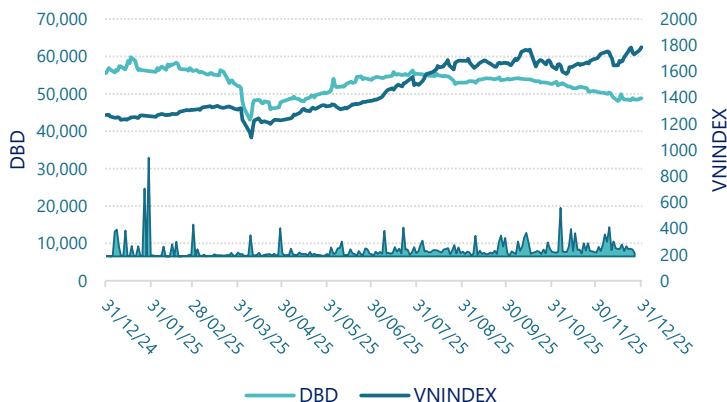




CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	48,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,786
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	43,055
SL cổ phiếu LH	94,489,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380,108
% sở hữu nước ngoài	15.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,611
P/E	15.9
EPS	3,077

DT thuần

Q4/25

510

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.0 | 15.9%

YoY: ▲ 32.0 | 6.7%

LN sau thuế

Q4/25

59.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.40 | -0.7%

YoY: ▼ 1.10 | -1.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

18.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2025

1,865

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 137 | 8.0%

LN sau thuế

2025

291

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0 | 5.7%

ROE

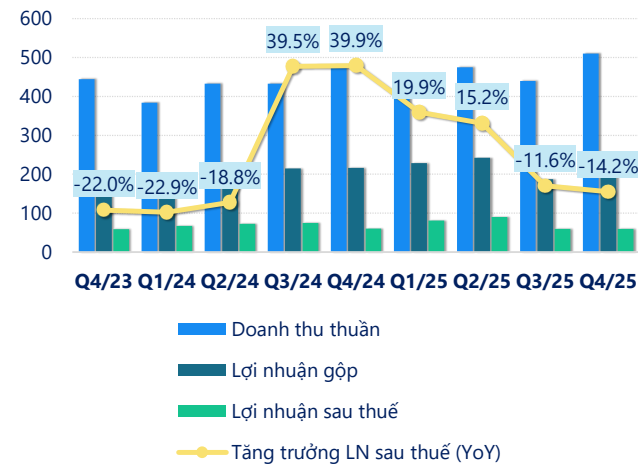
2025

17.2%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

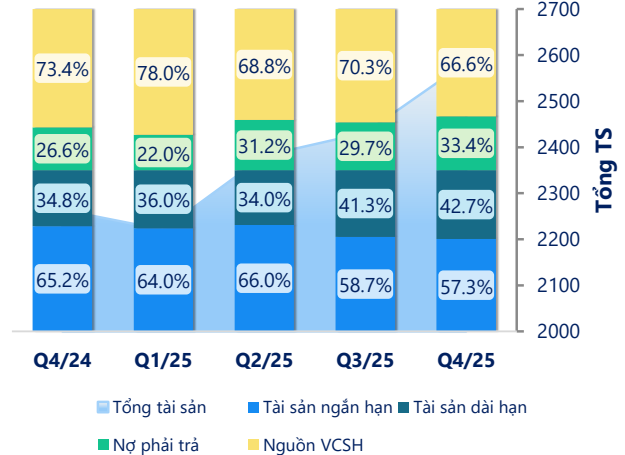
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

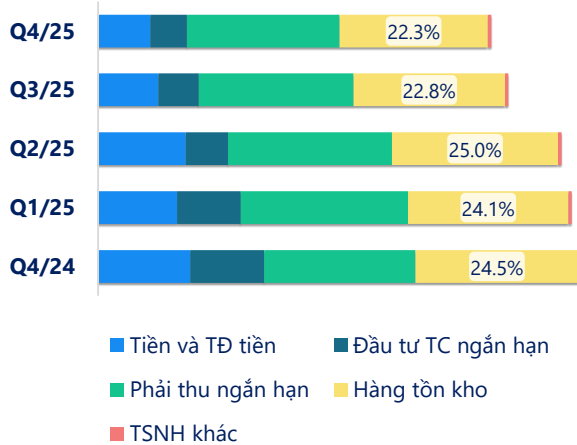
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



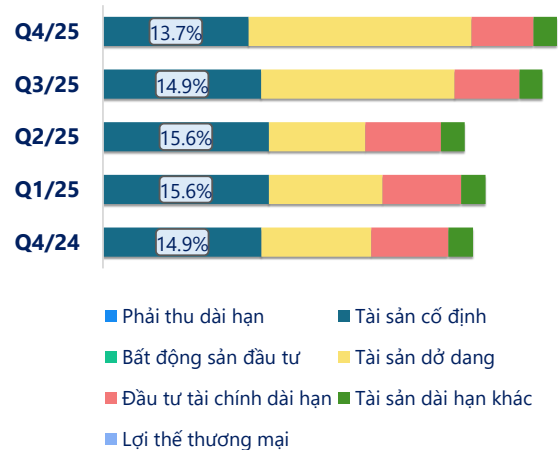
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

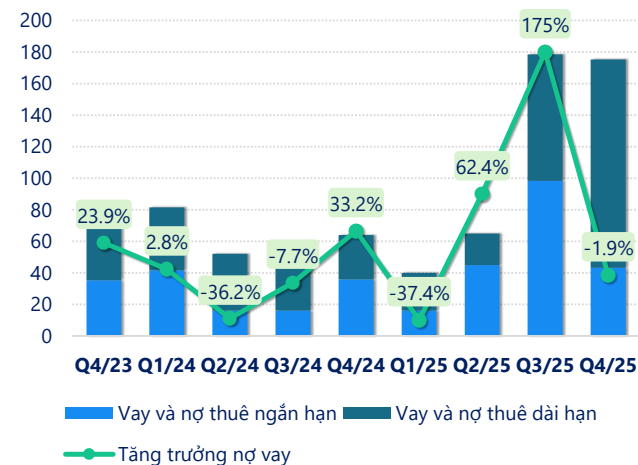
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

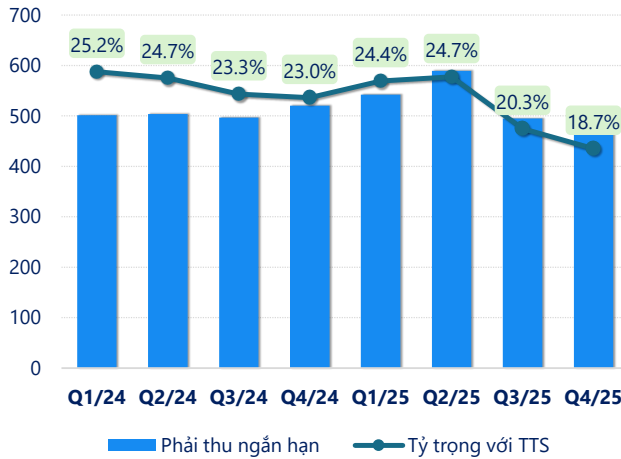
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



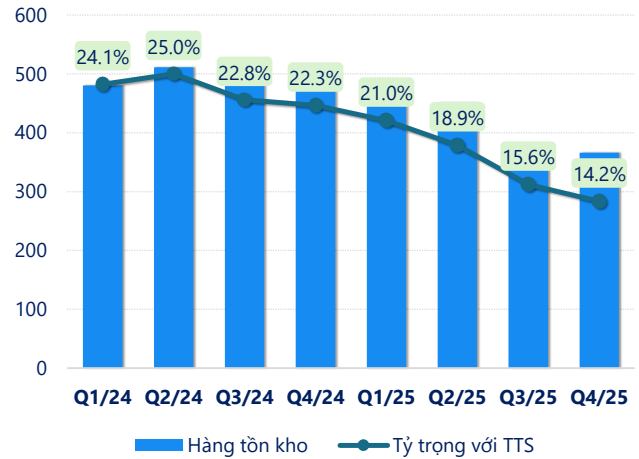
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


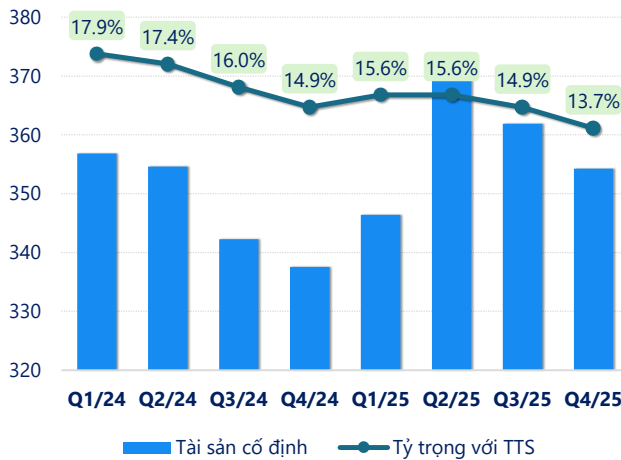
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


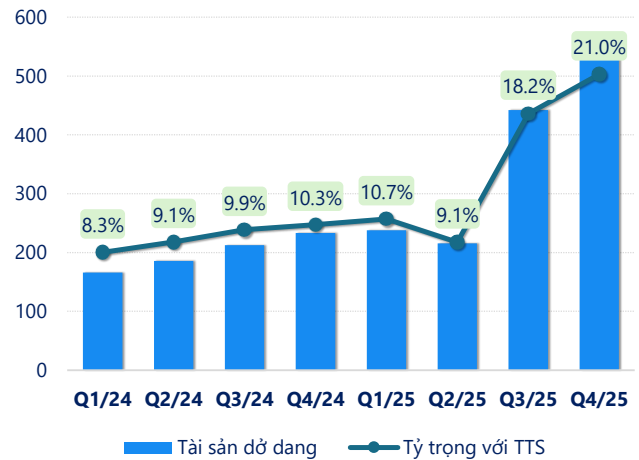
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

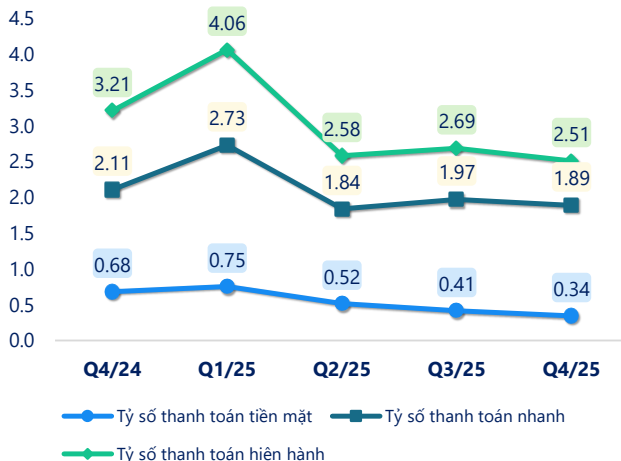
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

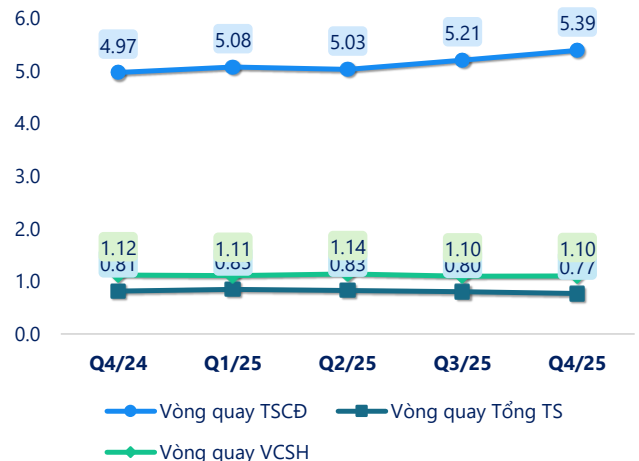
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,264	2,221	2,382	2,432	2,584
Tài sản ngắn hạn	1,476	1,422	1,571	1,427	1,481
Tiền và tương đương tiền	314	264	314	220	203
Đầu tư tài chính ngắn hạn	124	138	200	312	409
Phải thu ngắn hạn	520	542	589	495	482
Hàng tồn kho	505	467	451	379	366
Tài sản ngắn hạn khác	12.1	10.7	16.9	20.4	21.2
Tài sản dài hạn	788	799	810	1,005	1,103
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	338	346	372	362	354
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	233	238	216	442	542
Đầu tư tài chính dài hạn	164	164	170	148	150
Tài sản dài hạn khác	52.7	50.9	53.2	52.6	56.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	603	488	743	722	863
Nợ ngắn hạn	460	350	609	531	590
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.9	16.0	44.9	98.2	43.2
Phải trả người bán ngắn hạn	161	94.8	95.7	154	219
Nợ dài hạn	143	138	134	191	273
Vay và nợ thuê dài hạn	28.0	24.0	20.0	80.3	132
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,661	1,733	1,639	1,709	1,721
Vốn chủ sở hữu	1,659	1,731	1,637	1,708	1,719
Vốn điều lệ	936	936	936	945	945
Kinh phí và quỹ khác	2.41	1.93	2.07	1.62	2.24

(Nguồn: fireant.vn)